

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30-3-2018

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 và 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Út T, sinh năm 1992 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989 (có mặt).

Cùng cư trú tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-02-2018 và biên bản hòa giải ngày 20-3-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trương Út T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 06-5-2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh M có hành vi đánh đập chị T. Mâu thuẫn giữa anh chị được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh M vẫn không sửa đổi. Nay chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung tên Nguyễn Khả Q (nữ), sinh ngày 10-11-2013 và Nguyễn Như Th, sinh ngày 23-9-2015; hiện nay các con đang sống với anh M. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng Như Th, giao

Khả Q cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng; không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20-3-2018 cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh M xác định lời trình bày của chị T về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Trong thời gian chung sống, anh có đánh chị T 4 lần nhưng không gây ra thương tích và thừa nhận một lần đánh bị thương tích ghi nhận tại “Phiếu xác nhận tình trạng thương tật” ngày 08-02-2018. Nay anh vẫn còn tình cảm yêu thương vợ và con nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Lời trình bày của chị T về con chung là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh thống nhất giao hai con cho chị T nuôi dưỡng; chị T không có khả năng nuôi cả hai con thì giao hai con cho anh nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh M thống nhất xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 06-5-2013 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[2] Chị T cho rằng nguyên nhân dẫn đến yêu cầu ly hôn là trong thời kỳ hôn nhân anh M thường xuyên ngược đãi, đánh đập chị dẫn đến vợ chồng ly thân nhau. Tại phiên tòa, anh M thừa nhận có đánh chị T 05 lần và lần cuối cùng vào ngày 08-02-2018 thể hiện tại Phiếu xác nhận tình trạng thương tật của chị T ghi nhận các chấn thương: Vùng đỉnh đầu, sưng nề, bầm tím khoảng 7x7cm; vùng dưới bả vai trái, sưng nề, bầm tím dài khoảng 15cm, rộng khoảng 3cm (dọc theo cột sống); vùng mông ngang thắt lưng, sưng nề, bầm tím dài khoảng 10cm, rộng khoảng 5cm. Xét thấy, trong quá trình chung sống anh M có hành vi bạo lực gia đình đã vi phạm điều cấm quy định tại điểm h khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hơn nữa, chị T xác định vợ chồng đã ly thân từ ngày 08-02-2018 cho đến nay; hiện nay chị không còn tình cảm yêu thương anh M và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh M. Đồng thời, chị khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh M.

[3] Về nuôi con chung: Xét điều kiện nuôi con thấy rằng, chị T và anh M hiện nay đều không có chỗ ở riêng, chưa có điều kiện sản xuất và việc làm tạo thu nhập ổn định để đảm bảo việc nuôi dưỡng các con chung. Trường hợp giao cả hai cháu cho anh M hoặc chị T nuôi dưỡng thì người trực tiếp nuôi cả hai con sẽ lâm vào tình trạng khó khăn và không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu cho các cháu. Vì lẽ đó, cần giao cháu Nguyễn Như Th cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Nguyễn Khả Q cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T và anh M không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị T và anh M thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Út T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Như Th (nữ), sinh ngày 23-9-2015 cho chị Trương Út T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Nguyễn Khả Q (nữ), sinh ngày 10-11-2013 cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh M và chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Út T phải chịu 300.000 đồng, ngày 28 tháng 02 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009579 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trương Út T và anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Minh Út